Tuần 11 (14/03-18/03/22)

BSC WEEKLY REVIEW

FED họp ngày 15-16/03- định hướng tăng lãi suất

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tăng tỷ trọng tiền mặt, canh mua ở những phiên rung lắc mạnh*

2. PTKT VN-INDEX: *Áp lực giảm điểm trong ngắn hạn*

3. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo lãi suất sau cuộc họp của FED ngày 15-16/3 tới*

4. TIN VĨ MÔ: *FED họp ngày 15-16/03- định hướng tăng lãi suất*

5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *3/6 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất 0.47%*

7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF E1, Finlead và FTSE giảm quy mô*

8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

9. PHỤ LỤC: *Cập nhật danh mục ETFs quý I năm 2022*

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tăng tỷ trọng tiền mặt, canh mua ở những phiên rung lắc mạnh

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	**1466.54**	**-2.58%**
GTGD/phiên (tỷ VND)	27,459.22	3.26%
Khối ngoại (tỷ VND)	-5341.04	
HNX-INDEX	**442.20**	**-2.35%**
GTGD/phiên (tỷ VND)	3731.05	11.13%
Khối ngoại (tỷ VND)	-45.05	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4204.31	-1.30%	-2.88%	-6.66%
EU (EURO STOXX	3686.78	0.97%	3.68%	-11.27%
China (SHCOMP)	3309.75	0.41%	0.41%	-4.42%
Japan (NIKKEI)	25162.78	-2.05%	-3.17%	-8.76%
Korea (KOSPI)	2661.28	-0.71%	-1.92%	-3.89%
Singapore (STI)	3249.66	0.28%	0.71%	-5.23%
Thailand (SET)	1658.01	0.66%	-0.82%	-2.64%
Phillipines (PCOMP)	7112.19	-0.18%	-3.13%	-4.31%
Malaysia (KLCI)	1568.22	-0.78%	-2.23%	-0.68%
Indonesia (JCI)	6922.60	-0.02%	-0.08%	1.29%
Vietnam (VNIndex)	1466.54	-0.85%	-2.58%	-2.34%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2112	0.00	-100.00%	19,931	33,998
VN30F2201	0.00	-100.00%	114	1,321
VN30F2203	1476.00	-0.08%	21	637
VN30F2206	1472.50	-0.31%	7	220

TTCK VIỆT NAM

TT biến động biên độ lớn, áp lực giảm điểm đang lớn dần.

Các cổ phiếu trụ cột VHM, MSN, HPG và nhóm Ngân hàng giảm điểm từ áp lực bán ròng khối ngoại trong khi hoạt động chốt lãi ở những nhóm ngành hưởng lợi tăng mạnh trước đó đã khiến VN-Index mất vùng tích lũy tích cực trong 4 tuần và giảm mạnh -2.58%. Vận động ngành vẫn được duy trì trong tuần nhưng các cổ phiếu lớn đang suy yếu nhanh là yếu tổ rủi ro ngắn hạn. Cùng với đó, FED sẽ có cuộc họp giữa tuần với khả năng cao sẽ tăng lãi suất cũng sẽ là thông tin ảnh hưởng đến tâm lý thị trường. Trường hợp không vượt lại SMA50 tại 1,470 điểm, VN-Index đứng trước nguy cơ hình thành vùng giá thấp từ 1,440 – 1,470 điểm trong tuần tới.

Triển khai Nghị quyết 43/2022/QH15, Ngân hàng đang xin ý kiến cho dự thảo Nghị định và thông tư hướng dẫn các khoản vay quy mô 40 nghìn tỷ qua hệ thống NHTM với mức hỗ trợ lãi suất 2%/năm. Đối tượng cho vay đề xuất doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ và phục hồi trong lĩnh vực hàng không, vận tải kho bãi, du lịch dịch vụ lưu trú, ăn uống, giao dịch, nông, lâm, thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, phần mềm lập trình, dịch vụ thông tin, cho vay cải tạo chung cư cũ, nhà xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê. NHTM dừng hỗ trợ sau thời điểm 31/12/2023 hoặc số tiền hỗ trợ lãi suất đạt tối đa 40 nghìn tỷ.

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường dần ổn định dù vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất ngờ

Biến động ngược chiều so với tuần trước, TTCK Hoa Kỳ và Châu Á giảm điểm bình quân 2% trong khi TTCK Châu Âu tăng 2.5%. Diễn biến này đang phản ánh các yếu tố bất định về xung đột Nga – Ukraina và lo ngại tác động tăng lãi suất từ FED. Sau khi tăng trên 10% tuần trước, chỉ số hàng hóa Bcomp Index giảm lại -1.1% với mức giảm ở hầu hết mặt hàng ngoại trừ kim loại quý (+1%). Chỉ số USD Index đi ngang, đồng Rub (Nga) tiếp tục giảm 22.5%, nâng mức mất giá 46% trong 2 tuần gần nhất. Diễn biến tâm lý đã bớt tầm ảnh hưởng nhưng những hệ quả việc áp đặt trừng phạt vẫn sẽ còn tác động đáng kể lên các thị trường cũng như tiềm năng tăng trưởng kinh tế thế giới.

Trước những đòn trừng phạt từ Phương Tây, Nga cũng ban hành sắc lệnh hạn chế xuất khẩu một số mặt hàng. Danh sách "quốc gia không thân thiện" sẽ bị áp các biện pháp hạn chế cũng sẽ sớm được công bố. Nga là nước xuất khẩu mạnh về dầu khí, ngũ cốc và kim loại. Thương mại với Nga bị hạn chế nghiêm trọng khi Mỹ và Eu áp đặt biện pháp trừng phạt lên NHTW Nga và các Ngân hàng lớn khác. Giá nguyên vật liệu đã giảm mạnh vào phiên 10/3 khi xuất hiện tín hiệu có thể đàm phán kết thúc cuộc chiến. Dù vậy, trạng thái trả đũa qua sẽ khiến thị trường hàng hóa còn biến động khó lường.

Chú thích: ** tỷ VNĐ*
^ hợp đồng

BSC

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo lãi suất sau cuộc họp của FED ngày 15-16/3 tới

Lạm phát Mỹ đã tăng cao trong nhiều tháng trở lại đây, đặc biệt là sau khi cuộc chiến giữa Nga - Ukraine nổ ra khiến nguồn cung dầu trở nên khan hiếm, đẩy giá xăng dầu thế giới tăng cao. Số liệu lạm phát tháng 2/2022 của Mỹ đạt 7.9%, mức cao nhất kể từ năm 1982. Dự đoán về lãi suất trong thời gian tới của FED, các chuyên gia cho rằng trong tháng 3 này FED sẽ nâng lãi suất lên 0.5%, và tính đến cuối năm 2022, lãi suất của FED sẽ đạt 1.5% (tương đương mức tăng 1.25% so với thời điểm hiện tại).

Bảng 1: Dự báo về lãi suất Quỹ Liên bang

	2020	2021	Q1 22	Q2 22	Q3 22	Q4 22	Q1 23	Q2 23	Q3 23	Q4 23	Q1 24	Q2 24
Số bình quân gia quyền	0.25	0.25	0.5	0.95	1.25	1.5	1.75	1.95	2.1	2.2	2.2	2.3
Số trung vị			0.5	1	1.25	1.5	1.75	2	2.25	2.25	2.25	2.38
Số trung bình			0.51	0.94	1.24	1.5	1.75	1.96	2.1	2.21	2.22	2.29
Lớn nhất			0.75	1.25	1.5	2	2.5	2.75	3	3.25	3.5	3.75
Nhỏ nhất			0.25	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5	0.5

Nguồn: Bloomberg

** Chú thích: Số liệu dự đoán trên được tổng hợp từ 66 tổ chức tài chính trên thế giới. Đối tượng dự đoán là mức lãi suất tối đa mà FED có khả năng sẽ tăng.*

Nhận xét: Mặc dù việc nâng lãi suất đã được FED phát tín hiệu nhiều lần kể từ cuối năm ngoái. Tuy nhiên vẫn nhiều khả năng thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng sẽ xảy ra biến động mạnh quanh khoảng thời gian diễn ra cuộc họp ngày 15-16/03 tới của FED. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong khoảng thời gian này.

PTKT VN-INDEX: Áp lực giảm điểm trong ngắn hạn

Đồ thị ngày: Diễn biến đang có dấu hiệu suy yếu với liên tiếp những cây nến giảm điểm thân dài và bóng nến rộng. VN-Index mất ngưỡng vùng hỗ trợ ngắn tại 1485 điểm, và giảm dưới SMA 100 tại 1470 điểm. Dải bollinger band mở xuống dưới cho thấy áp lực giảm điểm đồng thời với mức biến động lớn hơn của chỉ số trong ngắn hạn. Diễn biến tuần này tiêu cực hơn 4 tuần gầy nhất khi VN-Index giao dịch tích lũy quanh 1,485 điểm.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI giảm từ 54 xuống 42.
- MACD giảm dưới đường tín hiệu và ngưỡng 0.
- VN-Index giảm dưới SMA20, SMA50 và SMA100

Nhận định: VN-Index đã giảm dưới các đường trung bình động trung và dài hạn. Diễn biến tiêu cực từ thị trường thế giới, khối ngoại bán ròng đã tác động mạnh đến các trụ cột và kéo theo sự sụt giảm của chỉ số với thanh khoản ở mức trung bình. Dải bollinger mở rộng hướng xuống dưới đang cho thấy biến động lớn hơn với áp lực giảm điểm. Trường hợp, VN-Index kiểm tra không thành công SMA 100, vùng giá cân bằng mới có thể hình thành tại 1,440 – 1,470 điểm trong tuần tới.

Đồ thị

Nguồn: BSC Research

BSC

TIN VĨ MÔ: FED họp ngày 15-16/03- định hướng tăng lãi suất

VIỆT NAM:

• Theo Bộ Tài chính, trong 2 tháng đầu năm, cả nước giải ngân được trên 44,600 tỷ đồng, đạt 8.61% kế hoạch Thủ tướng giao. Tỷ lệ này cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 (5.09%). Trong đó, vốn trong nước đạt 9.22% (cùng kỳ năm 2021 đạt 5.68%), vốn nước ngoài đạt 0.20% (thấp hơn cùng kỳ năm 2021 là 0.38%). Hiện có 7 bộ và 20 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 15%.

• Kim ngạch thương mại song phương giữa Mỹ và Việt Nam đã tăng khoảng 250 lần, từ 450 triệu USD năm 1995 lên hơn 111 tỷ USD năm 2021 (tăng gần 21 tỷ USD so với năm 2020). Đồng thời, Mỹ là một trong những đối tác có đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, với gần 1,150 dự án đang hoạt động, tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 10.3 tỷ USD, xếp thứ 11/141 nền kinh tế có đầu tư tại Việt Nam.

• Dữ liệu từ cuộc họp thường kỳ Chính phủ cho thấy, tín dụng tính đến cuối tháng 2 tăng 1.82% so với cuối năm 2021, thấp hơn mức 2.74% ghi nhận vào cuối tháng 1 năm nay. Như vậy, dư nợ tín dụng tháng 2 đã giảm khoảng 96 nghìn tỷ đồng so với tháng 1.

• Theo Ngân hàng Chính sách Xã hội, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đạt 247,970 tỷ đồng, tăng 21,773 tỷ đồng (tăng 9.6%) so với cuối năm 2020, trong đó, dư nợ các chương trình tín dụng theo kế hoạch tăng trưởng được Thủ tướng Chính phủ giao đạt 209,875 tỷ đồng, tăng 15,527 tỷ đồng (tăng 8%) so với cuối năm 2020, hoàn thành 100% số kế hoạch.

• Bộ Tài chính và NHNN ký quy chế mua bán ngoại tệ từ dự trữ ngoại hối nhằm tăng cường phối hợp trong việc điều hành thị trường ngoại hối, tạo thuận lợi cho NSNN cân đối ngoại tệ, và phục vụ cho các khoản chi NSNN bằng ngoại tệ.

• NHNN đang lấy ý kiến góp ý kiến với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú. Các nội dung chính được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bao gồm: Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; Hạn mức cho vay, bảo lãnh.

• Bộ Tài chính đề xuất giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng là 2,000 đồng/lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 1,000 đồng/lít; mỡ nhờn là 1,000 đồng/kg; dầu hỏa là 700 đồng/lít. Trong dự thảo, Bộ Tài chính đề nghị nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/4/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

THẾ GIỚI:

• Theo dữ liệu hải quan Trung Quốc, mức xuất khẩu của nước này 2 đã tăng 16.3% trong hai tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước, vượt mức tăng kỳ vọng 15%, nhưng giảm so với mức tăng 20.9% trong tháng 12. Nhập khẩu hai tháng đầu năm tăng 15.5%, giảm từ mức tăng 19.5% trong tháng 12 và thấp hơn mức dự báo 16.5%.

• Giá bất động sản trung bình tại Anh tiếp tục tăng thêm 0.5% trong tháng Hai, tương đương với 370 bảng/tuần. Đây là tháng thứ tám liên tiếp giá trị bất động sản tăng kể từ khi đại dịch bắt đầu, đẩy tốc độ tăng giá hàng năm lên 10.8%, con số cao nhất kể từ tháng 6 năm 2007. Giá nhà ở trung bình đã ghi nhận mức cao kỷ lục mới là 278.123 bảng Anh.

• Khối EU đang điều chỉnh chiến lược năng lượng nhằm vạch ra một lộ trình chấm dứt sự phụ thuộc vào khí đốt Nga. Thông qua việc triển khai việc đẩy nhanh Greal Deal (Thoả thuận xanh), đồng thời nhập khẩu khí hoá lỏng (LNG) và khí đốt từ ống dẫn ngoài, EU dự báo sẽ giảm được 112 tỷ mét khối khí đốt nhập khẩu từ Nga trong 2022.

• NHTW Nga ngày 9/3 thông báo nước này sẽ ngừng giao dịch ngoại hối đến ngày 9/9. Các ngân hàng tại Nga sẽ không được phép bán ngoại tệ cho người dân, tuy nhiên, người Nga vẫn có thể đổi từ ngoại tệ sang ruble. Việc rút tiền mặt từ các tài khoản ngoại khối ở ngân hàng Nga sẽ bị giới hạn ở mức 10.000 USD đến ngày 9/9.

• NHTW châu Âu ECB sẽ kết thúc Chương trình Mua sắm Khẩn cấp trong đại dịch trị giá 1,850 tỷ euro vào cuối tháng này. Đồng thời, các giao dịch theo Chương trình Mua Tài sản (APP) sẽ có quy mô nhỏ hơn so với kế hoạch ban đầu. Hiện ECB dự kiến các giao dịch mua sắm tài sản thuộc APP đạt tổng cộng 40 tỷ euro vào tháng 4, 30 tỷ euro vào tháng 5 và 20 tỷ euro vào tháng 6.

• Mức tăng giá tiêu dùng của Hoa Kỳ đã tăng nhanh trong tháng 2 lên mức cao nhất trong vòng 40 năm, với chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 7.9% so với cùng kỳ năm trước, vượt mức 7.5% tháng 1. Thước đo lạm phát tháng 2 đã tăng 0.8% so với một tháng trước đó, phản ánh chi phí xăng dầu, thực phẩm và giá nhà ở.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

• Cuộc họp FED vào 15-16/3 với định hướng tăng lãi suất lần đầu sau đại dịch.

• Diễn biến xung đột Nga – Ukraine và tác động tiêu cực từ lệnh trừng phạt Nga.

• Ngày 15/3, Biên bản chính sách tiền tệ Australia; Doanh thu bán lẻ, tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; Chỉ số sản xuất công nghiệp và cuộc họp các Bộ trưởng tài chính EU. 16/3, CPI Canada; Doanh thu bán lẻ và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 17/3, Biên bản chính sách tiền tệ FED; Biên bản chính sách tiền tệ BOE; Chỉ số sản xuất công nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ. 18/3, Biên bản chính sách tiền tệ BOJ; Doanh thu bán lẻ Anh và Canada.

CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
27/2/22	DGW	120.9	141	110	119	13	-1.57%	Có thể tiếp tục mua
27/2/22	PHP	26.9	33	24	27.7	13	2.97%	Có thể tiếp tục mua
20/2/22	ELC	23.5	28	21.75	26.1	20	11.06%	Có thể tiếp tục mua
2/11/22	IDJ	29.5	38.3	26.5	29	29	-1.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/1/22	PVI	49.2	54	45	49.7	41	1.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/1/22	HCM	37.15	43	34	36.2	41	-2.56%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
20/2/22	PC1	37.65	44	35	TP	21	16.87%
2/11/22	TDC	26.55	31.7	24.1	SL	16	-9.23%
30/1/22	VND	69	76	64	TP	28	10.14%
30/1/22	FRT	87.7	100	81.5	TP	12	14.03%
26/12/21	MHC	15.1	18	14	SL	21	-7.28%
26/12/21	SGI	30.5	34.5	28	SL	12	-8.20%
12/12/21	TNG	32.8	37.5	30.2	SL	42	-7.93%
12/12/21	FRT	71.8	94	63	TP	12	30.92%
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	SL	63	-5.96%
28/11/21	LCG	20.05	26	18.7	SL	63	-6.73%
28/11/21	PPP	18.7	21.5	17.3	SL	14	-7.49%
28/11/21	LIG	17.8	22.8	16.2	SL	14	-8.99%
11/10/21	SRA	10.8	12.5	9.8	TP	44	15.74%
11/9/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
11/8/21	VSC	41.25	48	40.1	SL	67	-2.79%

Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	3	3	5.02%	-1.94%	1.54%	26
Đã chốt	143	113	15.76%	-8.01%	5.27%	30

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Hóa chất	-0.94%	0.47%	11.77%	DRC	1.98%		
Du lịch và Giải trí	-0.73%	0.27%	2.00%	HVN	1.57%	VJC	-0.65%
Viễn thông	0.00%	0.00%	6.87%	VGI	3.13%	FOX	-1.23%
Xây dựng và Vật liệu	-0.42%	-0.01%	4.78%	CTD	-8.60%	HT1	5.90%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.69%	-0.57%	4.27%	TCM	-5.32%	TNG	1.10%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	109.33	3.12%	-5.49%	24.38%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	112.67	3.05%	-4.61%	24.94%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	331.21	4.92%	-6.54%	20.94%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,988.46	-0.43%	0.90%	8.46%		PNJ
Bạc	USD/oz.	25.87	-0.16%	0.66%	10.97%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,676.00	-0.61%	0.93%	6.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	1,106.50	1.79%	-8.48%	41.14%	AFX	
Sữa	USD/cwt	23.82	-0.29%	0.59%	8.82%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	244.10	-0.57%	-4.35%	-2.09%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	19.24	0.73%	-0.57%	8.58%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	221.95	-1.00%	-1.03%	-11.01%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	10,183.50	0.66%	-4.60%	1.24%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,894.00	0.45%	0.45%	0.27%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	3,483.00	1.62%	-9.51%	6.64%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	CNY/MT	816.50	3.09%	3.09%	2.58%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	368.65	-1.26%	-11.96%	67.57%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	809.08	0.89%	0.89%	2.28%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC

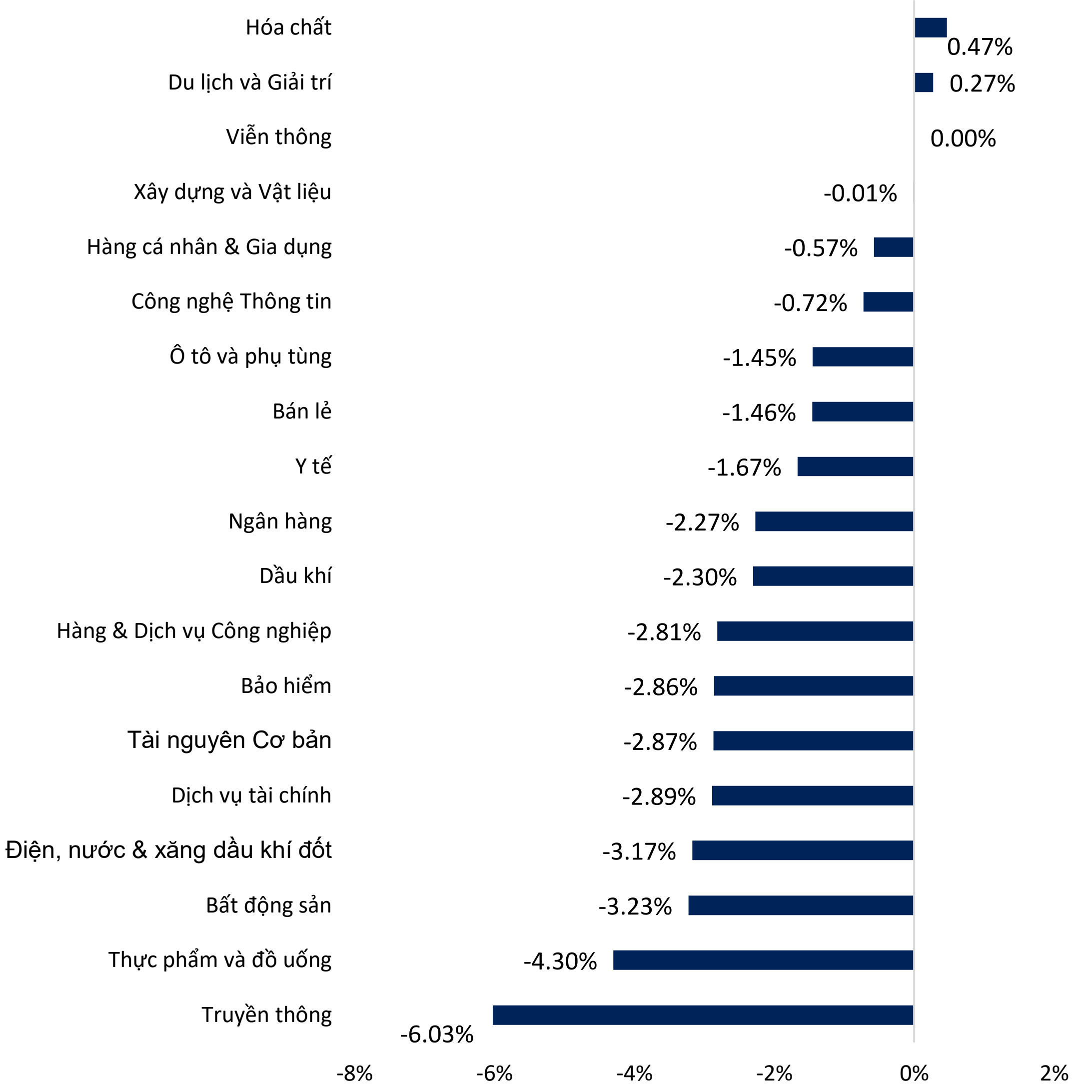

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
RDP	0.36111	0.04757
VAF	0.35135	0.05
AAM	0.35094	0.01
FCM	0.22388	0.03
PIT	0.22115	0.01
TGG	0.21459	0.03
DXV	0.20596	0.00
PMG	0.19602	0.04
BFC	0.19373	0.10
DPG	0.16162	0.18051
Tổng		0.50699

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
PTC	-0.17952	-0.06863
VRC	-0.15064	-0.06021
DRH	-0.14615	-0.05935
TSC	-0.13656	-0.11723
SZC	-0.127	-0.26367
TIP	-0.1229	-0.04858
MSN	-0.11655	-5.6874
YEG	-0.11201	-0.02762
CII	-0.11194	-0.2718
TAC	-0.11155	-0.07291
Tổng		-6.67738

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
STB	103.45	19.12
NKG	100.11	8.24
DGC	64.01	9.21
SBT	63.92	7.59
QNS	38.39	17.48
IDC	37.73	1.25
BSR	33.84	41.13
VCG	28.91	2.11
HAH	20.15	17.11
QTP	19.25	1.07
Tổng	509.77	

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-656.75	22.64
FUEVFVN	-464.19	
VHM	-403.03	23.85
MSN	-366.80	28.79
NVL	-283.11	6.87
VIC	-276.92	12.83
VNM	-227.75	54.24
GAS	-224.60	2.83
HDB	-218.33	15.89
GMD	-203.40	43.98
Tổng	-3324.87	

Vận động cổ phiếu VN30

Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
KDH	106.9575	100.1855	6.03%
PLX	101.1103	102.5251	6.81%
BVH	93.60835	98.65516	-1.04%
VRE	104.5282	102.6486	4.60%
BID	115.4621	106.6333	17.77%
CTG	102.0276	102.9581	-2.12%
MBB	103.0561	105.2988	10.16%
VCB	103.0784	104.3503	12.17%
GAS	101.3212	103.2555	14.04%
STB	108.7981	105.4953	11.09%
VJC	98.61598	102.7862	12.15%
PNJ	99.07507	102.8413	10.05%
SAB	96.44148	102.6052	4.93%
HPG	89.01688	100.4427	1.06%
ACB	98.09188	102.2879	-1.51%
TCB	95.56483	101.3748	-2.98%
VPB	95.76008	101.769	2.25%
POW	117.0772	99.04917	4.53%
TPB	113.5418	99.25724	1.71%
HDB	101.5216	99.1028	-7.46%
VHM	94.35585	99.94084	-8.09%
VNM	92.0041	99.10865	-7.46%
FPT	93.23654	99.08969	-3.92%
PDR	96.23298	98.94604	-8.17%
MSN	99.64782	97.10396	-9.52%
NVL	95.35161	97.76591	-12.06%
VIC	91.61969	95.70722	-22.55%
MWG	99.56926	98.04276	-1.12%
GVR	90.21441	95.87422	-9.80%
SSI	99.78395	93.74165	-16.36%

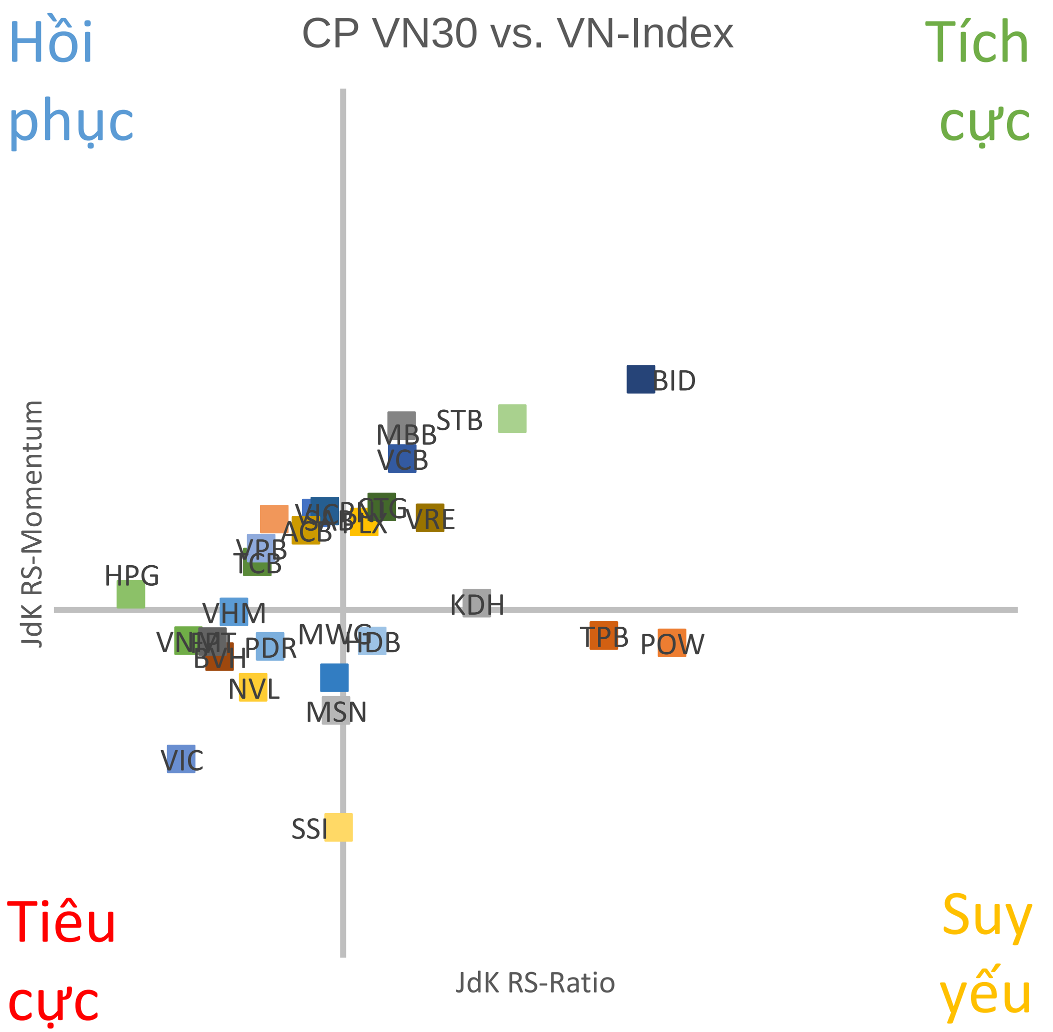

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- *Tích cực → nên trong danh sách mua*
- *Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm*
- *Tiêu cực → nên trong danh sách tránh*
- *Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng*

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	856.63	5,583.88	28,605.96
Giá trị bán	1,400.14	10,924.93	33,197.33
Mua / bán ròng	-543.51	-5,341.05	-4,591.34

Giao dịch tự doanh	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,034.34	2,707.48	8,733.27
Giá trị bán	385.99	2,230.88	8,181.19
Mua / bán ròng	648.35	476.60	552.08

Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
VPB	143.12	FUEVFVND	-489.07
TAC	131.26	STB	-57.99
HPG	91.09	HSG	-45.61
FPT	79.65	VRE	-32.29
TCB	78.01	FUESSVFL	-13.93
ACB	73.26	KHG	-8.60
PNJ	66.50	BVH	-7.13
MBB	63.68	DPM	-5.01
VIC	52.95	KSB	-4.57
MSN	42.94	GVR	-4.20

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	531.82	19.23	0.00	-0.59%	0.00	0.00	-10.14
FTSE	366.35	44.24	0.00	-1.24%	-2.67	-3.84	-11.27
iShare	486.29	0.00	0.00	0.00%	0.00	0.00	0.00
E1VFVN30	413.01	1.11	-1.11	-0.38%	-7.4	-44.0	-62.2
FUEVFVND	636.22	1.24	-0.10	0.06%	3.5	27.6	23.8
FUBON FTSE	496.13	0.60	0.00	0.76%	0.0	0.9	43.5
FUESSVFL	161.05	0.96	-0.60	-0.04%	-1.7	1.8	15.9
FUESSVN30	4.72	0.81	0.00	0.55%	0.0	0.1	0.2
FUEMAVN30	29.70	0.77	0.00	-0.51%	0.0	0.0	0.0
VN100	8.39	0.86	0.50	-0.29%	0.87	1.75	2.45
KIM	180.32	19.39	0.00	-1.55%	0.00	0.00	
PREMIA	29.43	12.47	0.00	0.48%	0.00	0.00	-1.31

Nhận định: ***ETF E1, Finlead và FTSE giảm quy mô trong khi ETF Diamond, VN100 tăng quy mô. Khối ngoại bán ròng tại nhiều nước trong khu vực.***

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính
Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

PHỤ LỤC: Cập nhật danh mục ETFs quý I năm 2022

Ngày 12/03, MVIS công bố danh mục điều chỉnh của ETF VNM, theo đó:

- Quỹ thêm mới 8 cổ phiếu gồm CEO, HUT, DXG, BCG, HDG, ORS, VIX, PVD và không loại bỏ cổ phiếu nào.
- Danh mục đã tăng lên 58 cổ phiếu, trong đó có 44 cổ phiếu Việt Nam. Tỷ trọng danh mục Việt Nam tăng 4.86% lên mức 83.4%
- Quỹ giao dịch từ 14/3 – 18/3.
- Nhiều cổ phiếu đã nằm ngoài dự báo của chúng tôi do việc tăng giá và cải thiện thanh khoản của các cổ phiếu trên sàn HNX và sự sai biệt về tỷ lệ freefoat so với dữ liệu quỹ tính toán.

Với cập nhật mới ETF VNM, danh mục quỹ ETF VNM và FTSE VN dự kiến thay đổi như sau: (bảng dưới)

STT	MÃ	± GT FTSE	± GT VNM	± KL FTSE	± KL VNM	± Tổng KL	Ghi chú
1	APH	-147,866	-888,499	-127,846	-773,079	-900,925	
2	BCG	-	2,248,701	-	2,148,968	2,148,968	VNM thêm mới
3	BVH	-	-1,273,359	-	-492,107	-492,107	
4	CEO	-	3,467,498	-	1,205,444	1,205,444	VNM thêm mới
5	DIG	958,942	-3,668,557	253,071	-974,301	-721,229	
6	DGC	-212,361	2,062,816	-29,551	288,870	259,319	
7	DPM	3,988,806	-499,625	1,571,700	-198,115	1,373,585	FTSE thêm mới
8	DXG	-169,643	1,858,410	-91,022	1,003,453	912,432	VNM thêm mới
9	GEX	-258,371	1,088,673	-142,676	604,995	462,319	
10	HDG	-	2,195,026	-	712,136	712,136	VNM thêm mới
11	HPG	-1,486,582	10,230,061	-714,819	4,950,309	4,235,490	
12	HNG	-	-380,958	-	-976,553	-976,553	
13	HSG	309,011	2,408,227	182,876	1,434,261	1,617,138	
14	HUT	-	2,636,041	-	1,929,717	1,929,717	VNM thêm mới
15	IDC	-	-561,013	-	-179,461	-179,461	
16	ITA	-	-73,585	-	-105,372	-105,372	
17	KBC	349,619	2,673,209	138,240	1,063,695	1,201,935	
18	KDC	-	-1,539,330	-	-651,080	-651,080	
19	KDH	80,528	-1,201,093	34,549	-518,581	-484,032	
20	MSN	-976,901	-10,390,297	-142,127	-1,521,246	-1,663,373	
21	NVL	-69,074	-456,756	-20,819	-138,543	-159,363	
22	ORS	-	1,991,146	-	1,722,643	1,722,643	VNM thêm mới
23	PDR	-1,832,216	-3,173,792	-489,223	-852,817	-1,342,040	
24	PLX	78,627	-	28,644	-	28,644	
25	POW	-124,747	-1,774,063	-163,184	-2,335,424	-2,498,609	
26	PVD	55,508	3,055,858	36,098	1,999,879	2,035,977	VNM thêm mới
27	PVS	-	-486,494	-	-318,382	-318,382	
28	SAB	-	-2,621,367	-	-352,603	-352,603	
29	SBT	99,074	-1,099,889	99,495	-1,111,570	-1,012,074	
30	SHS	-	1,808,253	-	936,519	936,519	
31	SSI	-718,781	-3,761,941	-356,968	-1,880,147	-2,237,115	
32	STB	-251,614	19,732,018	-173,840	13,719,309	13,545,469	
33	TCH	-111,586	-76,411	-118,621	-81,744	-200,364	
34	THD	-	1,154,260	-	152,301	152,301	
35	VCI	-1,867,130	-2,720,389	-679,109	-995,732	-1,674,841	
36	VCB	-247,312	1,544,740	-66,426	417,537	351,111	
37	VCG	4,136,474	-	2,173,181	-	2,173,181	FTSE thêm mới
38	VHC	-	-1,525,290	-	-455,394	-455,394	
39	VHM	-1,507,023	-5,954,004	-441,334	-1,754,702	-2,196,037	
40	VIC	-2,530,997	9,959,424	-746,020	2,954,198	2,208,178	
41	VIX	-	1,272,194	-	1,268,860	1,268,860	VNM thêm mới
42	VJC	-315,270	11,445,613	-51,073	1,865,937	1,814,864	
43	VND	7,429,618	-5,704,169	2,139,881	-1,653,340	486,541	FTSE thêm mới
44	VNM	-4,144,891	-10,070,075	-1,199,904	-2,933,680	-4,133,584	
45	VPI	-	-1,342,573	-	-471,759	-471,759	
46	VRE	-513,844	2,909,346	-348,125	1,983,566	1,635,441	

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký